

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

– Liệt kê được 4 giai đoạn phát sinh và tiến hoá của loài người : giai đoạn vượn người hoá thạch, giai đoạn người vượn hoá thạch (người tối cổ), giai đoạn người cổ *Homo*, giai đoạn người hiện đại.

– Liệt kê các nhân tố sinh học và nhân tố xã hội tác động đến quá trình phát sinh và tiến hoá của loài người. Giải thích được tại sao nhân tố văn hoá đóng vai trò quyết định.

– Nâng cao nhận thức đúng đắn và khoa học về nguồn gốc phát sinh và tiến hoá của loài người.

II – PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CẦN THIẾT

– Sử dụng sơ đồ hình 45.1 SGK và hình 45 SGK.

– GV cần sử dụng thêm các tranh ảnh hoặc mô hình về các dạng vượn người, người vượn, người cổ để minh hoạ thêm.

III – NỘI DUNG CẦN LƯU Ý**1. Nội dung trọng tâm của bài**

– Loài người có nguồn gốc động vật, chung với vượn người, trải qua 4 giai đoạn: vượn người hoá thạch, người vượn hoá thạch, người cổ *Homo* và người hiện đại.

– Các nhân tố chi phối quá trình phát sinh và tiến hoá của loài người : nhân tố sinh học và nhân tố xã hội, trong đó nhân tố văn hoá xã hội có tính quyết định.

2. Thông tin bổ sung

a) *Vấn đề về nguồn gốc loài người và vị trí của con người trong tự nhiên* đã được các nhà khoa học cũng như các nhà triết học quan tâm từ lâu và đã nêu ra nhiều giả thuyết. Từ thời cổ đại theo quan niệm thần thoại và tôn giáo cho rằng con người được tạo ra do các lực siêu nhiên (linh hồn, Thượng đế..). Cụ thể theo

Kinh thánh của đạo Thiên chúa thì con người do Chúa trời tạo ra bằng cách dùng đất sét nặn ra hình hài con người và thổi "Linh hồn" vào hình hài đó. Trường phái triết học duy tâm quan niệm rằng con người gồm 2 phần : phần thể xác là vật chất còn phần linh hồn là phi vật chất, khi chết phần vật chất tan rã còn linh hồn tồn tại vĩnh viễn có thể lên Thiên đàng hoặc đầu thai vào thể xác khác.

Từ thời Cổ Hi Lạp (trước Công nguyên 300 – 500 năm) các nhà khoa học (trong đó có Aristôt) đã có quan niệm khoa học và duy vật về con người, cho rằng con người cũng là thành phần của tự nhiên và đứng ở vị trí cao nhất của bậc thang tiến hoá của sinh vật với đặc điểm không chỉ có tính sinh trưởng, phát triển, vận động, sinh sản giống như các sinh vật khác (thực vật và động vật) mà còn có đặc tính riêng biệt là *tư duy*. Ông cũng cho rằng sinh vật không chỉ được sinh ra từ các sinh vật có sẵn (thuyết hữu sinh– biogenesis) mà còn có thể được sinh ra từ các chất vô cơ (thuyết vô sinh– abiogenesis). Như ta đã biết năm 1758 Cac Linê đã xếp người vào giới Động vật, thuộc bộ Linh trưởng và đặt tên là *Homo sapiens*. Lamac là người đầu tiên (1809) cho rằng con người được phát sinh từ một loài *vượn*. Đacuyn đã áp dụng học thuyết tiến hoá CLTN vào nghiên cứu loài người và đã chứng minh bằng những bằng chứng giải phẫu học và phôi sinh học (1871) là người có nguồn gốc và tiến hoá từ dạng *vượn người cổ* sống trên cây vào kỉ Thứ 3 ở châu Phi.

Để làm sáng tỏ các giai đoạn của quá trình phát sinh và tiến hoá của loài người các nhà khoa học phải căn cứ chủ yếu vào các bằng chứng về hoá thạch tức là các di tích của các dạng tổ tiên trung gian của người được tồn lưu lại qua các thời đại địa chất như xương cứng, như các công cụ lao động bằng đá, bằng gỗ, bằng xương thú vật, cũng như các dấu tích để lại (dấu bàn chân in trong các lớp trầm tích...). Hoá thạch đầu tiên về người được phát hiện năm 1856 ở Đức là người Néandectan, đến năm 1868 hoá thạch người Crômanhôn được phát hiện ở Pháp, năm 1891 phát hiện hoá thạch người Java ở Indônêsi, năm 1907 hoá thạch người Heidenbec được phát hiện ở Đức, năm 1925 người vượn hoá thạch được phát hiện ở Taung (Nam Phi) và năm 1927 hoá thạch người Bắc Kinh được phát hiện ở Chu Khẩu Điếm. Ở Việt Nam trong những năm 60–70 của thế kỉ XX cũng đã phát hiện nhiều di tích hoá thạch về người cổ (cho HS đọc thêm mục "Em có biết").

Những dẫn liệu ít ỏi và rất rải rác về hoá thạch đã được phát hiện chưa cho phép các nhà khoa học đề xuất các giai đoạn phát sinh và tiến hoá của loài

người. Nhưng tình hình sáng sủa hơn kể từ năm 1961 và đặc biệt khoảng hơn 30 năm trở lại đây do có đầu tư lớn trong việc khai quật khảo cổ, trên 2000 mẫu hoá thạch di tích người đã được phát hiện (chủ yếu ở Đông Phi và Nam Phi) và được định tuổi nhờ tiến bộ của phương pháp đồng vị phóng xạ. Gần đây các bằng chứng về sinh học phân tử (phân tích đa dạng ADN, đa dạng prôtêin) cũng góp phần làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề về nguồn gốc phát sinh và tiến hoá của loài người. Vì vậy các vấn đề về nguồn gốc phát sinh và tiến hoá của loài người đã được nghiên cứu sâu hơn và có nhiều phát hiện mới làm đảo lộn các quan điểm trước đây. Trước đây thường có các quan niệm sai lầm sau đây về nguồn gốc loài người :

– Người hiện đại có nguồn gốc trực tiếp từ vượn người. Theo quan niệm hiện nay thì vượn người không phải là tổ tiên trực tiếp của người hiện đại mà người hiện đại và vượn người có chung nguồn gốc và phân hoá theo 2 hướng hoàn toàn khác nhau, một nhánh tiến hoá thành các dạng *vượn người hiện nay* và một nhánh tiến hoá cho ra *người hiện đại*.

– Người hiện đại được tiến hoá theo đường thẳng kiểu bậc thang, tức là từ vượn người → người vượn → người hiện đại. Theo quan niệm hiện đại thì tiến hoá của loài người diễn ra không theo trực tuyến kiểu :

Vượn người (*Dryopithecus*) → Người vượn (*Australopithecus*) → Người cổ (*Homo erectus*) → Người hiện đại (*Homo sapiens*) mà diễn ra theo kiểu phân nhánh như ở hình 45 SGK.

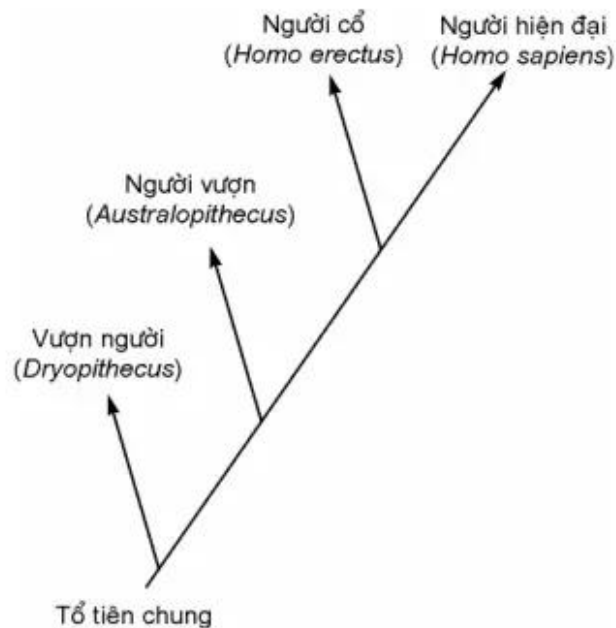
– Những đặc tính của người hiện đại như đi thẳng đứng bằng 2 chân, não bộ lớn có khả năng tư duy là xuất hiện đồng thời. Theo quan niệm hiện đại thì tư thế đi thẳng bằng hai chân và tay được giải phóng để sử dụng công cụ là tiến hoá bước một, còn sự hình thành não bộ lớn và tư duy là tiến hoá bước hai xuất hiện về sau.

Tuy nhiên, nhiều phát hiện mới cho đến hiện nay vẫn còn là giả thuyết và còn nhiều tranh cãi chưa thể khẳng định một cách tuyệt đối, nhưng đa số các nhà khoa học đã công nhận và đã được đưa vào SGK của nhiều nước.

b) Dựa vào các bằng chứng về hoá thạch (xương, công cụ lao động...), về sinh học phân tử, hiện nay các nhà khoa học giả thiết là loài người được phát sinh từ một dạng vượn người trải qua 4 giai đoạn theo kiểu phân nhánh (chứ

không phải theo kiểu bậc thang như trước đây từng quan niệm) trong đó con người hiện đại đứng ở đỉnh cao nhất của một nhánh. Bốn giai đoạn đó là : giai đoạn vượn người hoá thạch (*Dryopithecus*), giai đoạn người vượn hoá thạch (*Australopithecus*), giai đoạn người cổ (*Homo erectus*), giai đoạn người hiện đại (*Homo sapiens*) theo sơ đồ phân nhánh (hình 45 SGK).

Nhánh người hiện đại (người thông minh) được chọn lọc và phát triển cho đến ngày nay, còn các nhánh bên khác tồn tại qua một số thời gian và đã bị tuyệt diệt chỉ còn để lại dấu tích hoá thạch.



Hình 45. Sơ đồ phát sinh loài người theo kiểu phân nhánh

c) Về vấn đề người Nêandectan

Hoá thạch người Nêandectan lần đầu tiên được tìm thấy vào năm 1856 ở thung lũng Nêandectan tại nước Đức, về sau hoá thạch được tìm thấy ở châu Âu, một phần châu Á và Cận Đông. Trước đây người Nêandectan được phân loại vào người hiện đại (*Homo sapiens*) vì có rất nhiều đặc điểm giống với người hiện đại như : chiều cao, hộp sọ (có dung tích đạt 1400 cm³), có công cụ phức tạp, sống thành đàn và có nền văn hoá... Nhưng người Nêandectan có nhiều đặc điểm sai khác với người hiện đại như : gờ mày dô, hộp sọ dẹt và dô ra phía sau. Đặc biệt là những nghiên cứu so sánh trình tự nuclêôtit ADN của người

Nêandectan với người hiện đại (công bố năm 1997) cho thấy có sự sai khác trong hệ gen. Đây là những chứng cứ khẳng định người Nêandectan không phải là tổ tiên trực tiếp của người hiện đại mà là một nhánh tiến hoá của chi Homo. Cũng vì lí do này mà hiện nay người Nêandectan được tách thành loài Homo nêandectan (*Homo neanderthalensis*).

Người Nêandectan không phải là tổ tiên của loài người hiện đại mà cùng tồn tại với người hiện đại trong một thời gian dài và đã biến mất cách đây khoảng 30 000 đến 150 000 năm và được thay thế bởi người hiện đại.

d) Về nguồn gốc của người hiện đại (*Homo sapiens*)

Đa số các nhà nghiên cứu cho rằng người hiện đại (người thông minh) được phát sinh từ châu Phi cách đây khoảng 100 000 – 200 000 năm. Có hai giả thuyết về phát sinh hiện đại :

– Theo thuyết đa vùng (multiregional theory) thì cách đây khoảng 1 – 2 triệu năm người *Homo erectus* xuất hiện ở châu Phi và sau đó đã di cư sang các châu lục khác và tại các địa phương này từ các dòng *Homo erectus* bản địa đã tiến hoá thành *Homo sapiens* (hình 45.2 A SGK). Ví dụ, người *Homo erectus* ở Indônêsi (người cổ Java) là tổ tiên của thổ dân châu Úc. Từ người *Homo erectus* Bắc Kinh sinh ra người châu Á hiện nay.

Từ người *Homo erectus* châu Âu sinh ra người châu Âu hiện nay.

Người châu Phi hiện nay là hậu duệ của người *Homo erectus* châu Phi.

– Theo thuyết đơn nguồn (monogenesis theory) thì cho rằng người *Homo erectus* xuất hiện ở châu Phi cách đây 1 – 2 triệu năm đã di cư sang các châu lục khác và về sau đã bị tuyệt diệt (đã để lại di tích hoá thạch). Riêng nhánh *Homo erectus* châu Phi tiến hoá thành người hiện đại cách đây khoảng 100 000 – 200 000 năm và làm đợt di cư thứ hai đến các châu lục khác (hình 45.2.B SGK). Những nghiên cứu giải mã hệ gen người hiện đại sống ở các châu lục khác nhau đã cho thấy tính đồng nhất trong các chủng tộc người hiện đại và có cùng nguồn gốc với người ở châu Phi. Tuy nhiên, các giả thuyết về nguồn gốc và tiến hoá của người hiện đại vẫn còn là những vấn đề tranh cãi và phức tạp, do đó trong SGK được đặt ở mục "Em có biết" vì vậy GV chỉ nên nhắc nhở HS đọc để biết thêm.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. Phần mở bài

Có thể đặt câu hỏi : Vượn người hiện nay, ví dụ : tinh tinh có thể biến thành người được không ? Và để HS tự suy nghĩ trả lời. Từ đó GV kết luận : loài người được phát sinh qua lịch sử lâu dài và trải qua nhiều giai đoạn.

2. Hướng dẫn dạy học bài mới

Bài này là bài khó và có nhiều vấn đề phức tạp vì vậy GV cần sử dụng các sơ đồ và hình vẽ để trình bày sự tiến hoá của các dạng vượn người, người vượn, người cổ và người hiện đại theo các đặc điểm và niên đại.

GV nên sử dụng phương pháp lập bảng so sánh về các đặc điểm sai khác đặc trưng giữa các dạng vượn người, người vượn, người cổ, người hiện đại để HS tự tìm hiểu về mối quan hệ thân thuộc và nguồn gốc của chúng.

a) Những giai đoạn chính trong quá trình phát sinh loài người

Trình bày các giai đoạn : giai đoạn vượn người hoá thạch Đriôpítéc, giai đoạn người vượn hoá thạch (người tối cổ) Ôxtralôpítéc, giai đoạn người cổ Homo hoá thạch (bao gồm *Homo habilis*, *Homo erectus*, *Homo neanderthalensis*) và giai đoạn người hiện đại (người thông minh). Cần nêu rõ các đặc điểm của quá trình "người hoá" như đi thẳng đứng, dung tích sọ lớn dần, công cụ lao động... của các dạng người qua các giai đoạn (sử dụng sơ đồ hình 45.1 SGK). Đồng thời nêu rõ đặc điểm niên đại lịch sử và môi trường sống cũng như lối sống (bầy đàn, bộ lạc, có nền văn hoá...) của mỗi dạng người trong mỗi giai đoạn.

▼ Các đặc điểm sai khác giữa người vượn hoá thạch với vượn người :

– Người vượn hoá thạch đã bắt đầu chuyển từ lối sống trên cây xuống sống ở mặt đất, vượn người chủ yếu sống trên cây.

– Người vượn hoá thạch đã đứng thẳng, đi bằng hai chân (nhưng hơi khom về phía trước).

– Người vượn hoá thạch có hộp sọ lớn hơn ($450-750\text{ cm}^3$) so với vượn người.

– Người vượn hoá thạch đã dùng tay để sử dụng các vật liệu đá, cành cây, xương làm công cụ kiếm ăn, tấn công.

▼ Các đặc điểm sai khác giữa người đứng thẳng với người vượn hoá thạch :

- Sống chủ yếu ở mặt đất.
- Tay chân phân hoá. Đứng thẳng đi bằng hai chân.
- Hộp sọ lớn $900 - 1000 \text{ cm}^3$.
- Biết chế tác và sử dụng công cụ bằng đá.

– Chú ý là khi giới thiệu về người Nêandectan cần nêu rõ là người Nêandectan được xem là một loài thuộc chi *Homo* chứ không được xếp vào loài *Homo sapiens* vì có nhiều đặc điểm sai khác về hình thái giải phẫu và hệ gen. Người Nêandectan không phải là tổ tiên trực tiếp của người hiện đại mà là một nhánh phân hoá đã bị tuyệt diệt và được thay thế bởi người hiện đại.

– Giới thiệu người hiện đại hoá thạch Crômanhôn : chú ý đặc điểm về tổ chức xã hội phức tạp, có nền văn hoá đa dạng.

– Giới thiệu các di tích hoá thạch của người cổ tìm thấy ở Việt Nam chứng tỏ ở Việt Nam xưa kia đã từng có các dạng người cổ *Homo* sinh sống.

b) Các nhân tố chi phối quá trình phát sinh loài người

Cần giới thiệu và phân tích các nhân tố sinh học chủ yếu là biến dị di truyền và CLTN tác động chủ yếu trong giai đoạn hình thành các đặc điểm như : đi thẳng đứng, biết chế tạo và sử dụng công cụ, não bộ phát triển, có tư duy...

Giới thiệu các nhân tố văn hoá xã hội và tầm quyết định của chúng trong quá trình phát sinh và phát triển xã hội loài người và hình thành con người xã hội (ngôn ngữ giao tiếp, quan hệ xã hội, đời sống lao động và văn hoá...). Cần chú ý là hai giai đoạn tiến hoá : đi thẳng đứng, chế tạo sử dụng công cụ diễn ra trước và não bộ phát triển có tư duy ngôn ngữ diễn ra muộn hơn. Có thể đặt vấn đề để HS tìm dẫn chứng chứng minh. GV cần chú ý giới thiệu các nhân tố tự nhiên cũng như xã hội tác động xấu đến con người và xã hội loài người và sự cần thiết phải phòng chống (ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, suy thoái và cạn kiệt tài nguyên, các tệ nạn xã hội gia tăng...).

3. Củng cố và hoàn thiện kiến thức

- Sử dụng phần đóng khung và các câu hỏi trong SGK để HS tự ôn tập.
- Sử dụng sơ đồ hình vẽ cũng như các bảng so sánh có ô trống về các giai đoạn phát sinh loài người, về các nhân tố tác động : sinh học và văn hoá xã hội.

GV nhắc nhở HS đọc "Em có biết" về 2 giả thuyết về nguồn gốc phát sinh và tiến hoá của người hiện đại để HS mở rộng kiến thức, đồng thời biết được các thành tựu nghiên cứu ở Việt Nam về người cổ.

V – GỢI Ý ĐÁP ÁN CÁC CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI

Câu 1. Theo SGK và hình 45.1 SGK lập bảng so sánh sai khác về cấu tạo cơ thể và lối sống như sau :

Dạng người	Đặc điểm cấu tạo	Lối sống
Vượn người Đriôpítéc	Tay chân chưa phân hoá, đi leo trèo bằng tứ chi. Não bé : 350cm^3	Chủ yếu sống trên cây.
Người vượn Ôtralôpítéc	Tay được giải phóng để cầm nắm, chân để đứng thẳng và đi. Não lớn : $450 - 750\text{cm}^3$	Sống ở mặt đất, sử dụng công cụ tự nhiên (đá, xương, gỗ).
Người cổ <i>Homo habilis</i>	Chân đi thẳng, tay chế tạo và sử dụng công cụ. Não lớn : $600 - 800\text{cm}^3$	Sống thành bầy đàn, biết chế tạo sử dụng công cụ bằng đá... biết dùng lửa.
Người cổ <i>Homo erectus</i>	Chân đi thẳng, tay chế tạo và sử dụng công cụ. Não lớn : $900 - 1000\text{cm}^3$	Sống thành xã hội (nguyên thủy), bắt đầu có tiếng nói, dùng lửa, chế tạo sử dụng công cụ bằng đá..., đã có văn hoá...
Người hiện đại <i>Homo sapiens</i>	Không thay đổi mấy. Não lớn $> 1000\text{cm}^3$	Tổ chức xã hội phức tạp. Tiếng nói phát triển. Văn hoá, khoa học kỹ thuật phát triển cao. Công cụ lao động đa dạng, phức tạp...

Câu 2. Theo nội dung SGK. Chủ yếu nêu các đặc điểm về cấu tạo cơ thể của người giống với vượn người hiện nay và dạng người vượn hoá thạch trung gian giữa người và vượn người.

Câu 3. Theo nội dung SGK. Cần nhấn mạnh nhân tố xã hội là quyết định vì nếu không có nhân tố văn hoá xã hội (đời sống xã hội, văn hoá giáo dục, khoa học kỹ thuật... thì con người dù có cấu tạo cơ thể điển hình cho người cũng không thể trở thành con người thực sự được (tức là con người có ngôn ngữ, có văn hoá sống trong cộng đồng xã hội loài người).

Câu 4. Các nhân tố tự nhiên tác động xấu : ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, cạn kiệt và suy thoái nguồn tài nguyên.

Các nhân tố xã hội gây tác động xấu : chiến tranh, dịch bệnh, tệ nạn xã hội (ma túy, mại dâm...).

Câu 5. B